

II. RELATIVE CLAUSES (MỆNH ĐỀ QUAN HỆ)

A. BẢNG TÓM TẮT

Relative pronoun (Đại từ quan hệ)	Noun replaced (Danh từ được thay thế)	Functions (Chức năng)
Who	Danh từ chỉ người	Làm chủ ngữ
Whom	Danh từ chỉ người	Làm tân ngữ
Which	Danh từ chỉ vật	Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ
That	Danh từ chỉ người, vật, thay thế cho "who, whom, which" trong mệnh đề hạn định	Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ
Whose	Tính từ sở hữu hoặc sở hữu cách	Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ
Where	Danh từ chỉ nơi chốn	Làm tân ngữ
When	Danh từ chỉ thời gian	Làm tân ngữ
Why	Danh từ chỉ lí do	Làm tân ngữ

B. RELATIVE PRONOUNS (ĐẠI TỪ QUAN HỆ)

1. **Who:** dùng để thay thế cho danh từ chỉ người, làm chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ

Ex: *The man is Mr. Pike. He is standing over there.*

=> *The man **who** is standing over there is Mr. Pike.*

2. **Whom:** dùng để thay thế cho danh từ chỉ người, làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ

Ex: *That is the girl I told you about her.*

=> *That is the girl **whom** I told you about.*

- **Note:** *Whom* làm tân ngữ có thể được bỏ đi trong mệnh đề quan hệ xác định.

3. **Which:** *which* dùng để thay thế cho danh từ chỉ vật, làm chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Ex: *The dress is very beautiful. I bought it yesterday.*

=> *The dress **which** I bought yesterday is very beautiful.*

- **Note:** *Which* làm tân ngữ có thể được bỏ đi trong mệnh đề quan hệ xác định.

4. **That:** là đại từ chỉ cả người và vật, đứng sau danh từ để làm chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Ex: *This is the book. I like it best.*

=> *This is the book **that** I like best.*

- **Note:** + Sau dấu phẩy không bao giờ dùng **That**

+ *That* luôn được dùng sau các danh từ hỗn hợp (gồm cả người lẫn vật) **everything, something, anything, all little, much, none** và sau dạng so sánh nhất

5. **Whose:** là đại từ quan hệ chỉ sở hữu. *Whose* đứng trước danh từ chỉ người hoặc vật và thay thế cho tính từ sở hữu hoặc sở hữu cách trước danh từ. Sau *whose* là danh từ.

TA9

LUYỆN THI- GRAMMAR

Ex: John found a cat. *Its leg* was broken.

=> John found a cat *whose leg* was broken.

C. RELATIVE ADVERBS (TRẠNG TỪ QUAN HỆ)

1. **When:** dùng để thay thế cho danh từ chỉ thời gian, **When** được thay cho *at/on/ in + danh từ thời gian* hoặc *then*.

Ex: *May Day is a day. People hold a meeting on that day.*

2. **Where:** dùng để thay thế cho danh từ chỉ nơi chốn, **Where** được thay cho *at/on/ in + danh từ nơi chốn* hoặc *there*.

Ex: *Do you know the country? I was born.*

=> *Do you know the country **where** I was born?*

3. **Why:** dùng để thay thế cho danh từ chỉ lí do. **Why** thay cho *for which*.

Ex: *I don't know the reason. She left him alone.*

=> *I don't know the reason **why** she left him alone.*

D. WRITING

I. Rewrite the sentences below as single sentence using relative clauses.

1. I don't know the name of the woman. I spoke to her on the phone.

→ _____

2. We often go to visit our friends in Bristol. It's only 30 miles away.

→ _____

3. This is Mr Carter. I was telling you about him.

→ _____

4. That is the room. The meeting is held in that room.

→ _____

5. I'll always remember the day. I first saw that sight on that day.

→ _____

6. She was born in Malaysia. Rubber trees grow well there.

→ _____

7. No one knows the school. My uncle taught at that school 10 years ago.

→ _____

8. Please ask them the time. The train started the trip at that time.

→ _____

9. New Year's Day is a day. All family members gather and enjoy a family dinner then.

→ _____

10. There are many hotels. Tourists can enjoy their holidays there.

→ _____

TA9

LUYỆN THI- GRAMMAR

II. CHOOSE THE CORRECT ANSWER

1. The age ____ children start school varies from country to country.
A. who B. when C. Where
2. The photographer ____ took these pictures is very creative.
A. who B. which C. When
3. I love the song ____ you played on the guitar.
A. where B. when C. That
4. The bakery ____ I buy my bread makes everything from scratch
.A. who B. when C. Where
5. The city ____ I live in is known for its beautiful architecture.
A. which B. when C. Where
6. Do you know the reason ____ she moved to a different city?
A. why B. when C. Where
7. The poet, ____ you introduced me to, writes deeply moving poems.
A. who B. when C. Where
8. The book ____ you recommended to me was really interesting.
A. that B. when C. Where
9. She works at a company ____ employees are treated well.
A. who B. when C. Where
10. The man ____ is standing at the corner is a famous actor.
A. who B. when C. Where
11. The moment ____ they decided the company's future was very important.
A. who B. when C. Where
12. The train ____ arrives at 10 am is always punctual.
A. who B. which C. Where
13. I don't know the person to ____ she is talking.
A. whom B. why C. Which
14. The reason ____ I love reading is that it allows me to learn new things.
A. that B. when C. Why
15. The chef, ____ you saw on TV, owns a restaurant in our neighborhood.
A. whom B. when C. where